

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/DS-ST**

Ngày: 21-9-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Duy Ngọc.
2. Ông Nguyễn Văn Thư.

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-DS ngày 14/6/2021, Thông báo hoãn phiên tòa số: 04/TB-TA ngày 02/7/2014 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 05/TB-TA ngày 06/9/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông Trương Ngọc H, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị Phương D, sinh năm 1963; Địa chỉ: Khu phố X, phường HV, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Bà Huỳnh Thị Phương D ủy quyền cho ông Trương Ngọc H tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 20/9/2021 - ông H có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H1 (chết); Nơi cư trú: Khu phố X, phường HV, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị H1):

- Ông Lê Thanh T, sinh năm 1970; anh Lê Tuấn H2, sinh năm 1995 và anh Lê Anh H3, sinh năm 1996; cùng cư trú tại: Khu phố X, phường HV, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (ông Tuấn có mặt).

- Vợ chồng cụ Nguyễn M, sinh năm 1935, cụ Huỳnh Thị Q, sinh năm 1942; cùng cư trú tại: Khu phố X, phường HV, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/01/2021, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Nguyên trước đây vợ chồng ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị H1 có mượn vợ chồng nguyên đơn (ông Trương Ngọc H, bà Huỳnh Thị Phương D) nhiều lần, cụ thể: ngày 24/3/2009 mượn 40.000.000đ; ngày 27/02/2011 (âm lịch) mượn 5.000 USD (tương đương 117.500.000đ); ngày 27/8/2011 (âm lịch) mượn 5.000 USD (tương đương 117.500.000đ); ngày 06/8/2012 (âm lịch) mượn 100.000.000đ. Tổng cộng số tiền vợ chồng ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị H1 mượn vợ chồng ông H, bà D số tiền 375.000.000đ. Vợ chồng ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị H1 đã trả hai lần – lần 1: 64.000.000đ; lần 2: 42.000.000đ và đồng thời xin vợ chồng ông H, bà D số nợ 119.000.000đ nên vợ chồng Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị H1 còn nợ vợ chồng nguyên đơn 150.000.000đ. Ông Tuấn, bà Hà kết trả hết nợ vào ngày 01/12/2020 theo Giấy xác nhận mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 05/9/2019 nhưng đến nay không trả nợ cho nguyên đơn theo cam kết.

Ngày 28/4/2021, tại phiên họp hòa giải, bị đơn ông Lê Thanh T viết cam kết trả thêm 20.000.000 đồng cho vợ chồng ông H, bà D và đưa trước 10.000.000 đồng, hẹn ngày 05/5/2021 đưa thêm 10.000.000 đồng, số tiền còn lại trả dần 30.000.000 đồng cho 3 tháng tiếp theo kể từ ngày 05/5/2021; số tiền còn lại 100.000.000đ sẽ trả dần mỗi tháng 5.000.000đ nhưng ông Tuấn không thực hiện theo cam kết. Nguyên đơn đồng ý để ông Lê Thanh T nhận toàn bộ nghĩa vụ trả nợ 140.000.000đ mà nguyên đơn đã yêu cầu, trường hợp ông Tuấn không thực hiện cam kết thì buộc những người kế thừa của bà Hà phải có nghĩa vụ trả nợ. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị H1 phải trả số nợ 140.000.000đ cho nguyên đơn.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ, bị đơn ông Lê Thanh T trình bày: ông (Lê Thanh T) thừa nhận trước đây vợ chồng ông (ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị H1) có vay nợ của vợ chồng nguyên đơn (ông Trương Ngọc H, Huỳnh Thị Phương D) nhiều lần, sau đó hai bên đã chốt số nợ còn lại là 150.000.000đ như nguyên đơn đã yêu cầu. Ngày 28/4/2021, ông Tuấn viết cam kết trả thêm 20.000.000 đồng cho vợ chồng ông H, bà D và đưa trước 10.000.000 đồng, hẹn tuần sau (ngày 05/5/2021) đưa thêm 10.000.000 đồng, trả dần 30.000.000 đồng cho 3 tháng tiếp theo kể từ ngày hôm nay; số tiền còn lại 100.000.000 đồng sẽ trả dần mỗi tháng 5.000.000đ nhưng vì dịch Co-vid 19 nên công việc làm ăn của ông Tuấn khó khăn nên không thực hiện được. Hiện nay vợ ông (bà Nguyễn Thị H1) chết nhưng vẫn còn nợ nhiều không để lại tài sản, nên ông xin nhận toàn bộ trách nhiệm trả số nợ 140.000.000đ cho nguyên đơn thay cho bà H1.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng.

Bị đơn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thanh T về bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị H1. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự; Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Hà gồm: ông Lê Thanh T (chồng), anh Lê Tuấn H2 (con), Lê Anh H3 (con), cụ Nguyễn M (cha), cụ Huỳnh Thị Q (mẹ) - là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H1. Do đó, ông Lê Thanh T, anh Lê Tuấn H2, Lê Anh H3, cụ Nguyễn M, cụ Huỳnh Thị Q xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị H1 để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Anh Lê Tuấn H2, anh Lê Anh H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý, cụ Nguyễn M, cụ Huỳnh Thị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Việc vay (mượn) tiền giữa vợ chồng ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị H1 với vợ chồng ông Trương Ngọc H, bà Huỳnh Thị Phương D nhiều lần với tổng số tiền 375.000.000 đồng, đã trả nhiều lần và chót nợ với số tiền 150.000.000 đồng theo Giấy xác nhận mượn tiền và cam kết trả nợ ngày

05/9/2019 được ông Lê Thanh T thừa nhận. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 28/4/2021, ông Lê Thanh T đã trả thêm 10.000.000 đồng, nên bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền 140.000.000 đồng, trong đó phần nghĩa vụ của ông Lê Thanh T là 65.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H1 là 75.000.000 đồng.

[2.2] Ông Lê Thanh T khẳng định bà Nguyễn Thị H1 chết không để lại di sản và cụ Nguyễn M, cụ Huỳnh Thị Q, anh Lê Tuấn H2, anh Lê Anh H3 không nhận được thừa kế tài sản gì của bà Nguyễn Thị H1 nên ông Lê Thanh T tự nguyện thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị H1 – đây là hình thức bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 293, 335, 336 Bộ luật Dân sự; nguyên đơn đồng ý việc ông Tuấn bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị H1 (chết ngày 13/10/2019) trong trường hợp bà Hà không để lại di sản, trường hợp bà Hà để lại di sản thì nguyên đơn đề nghị những người thừa kế của bà Hà phải có trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Hà. Hội đồng xét xử xét thấy việc tự nguyện bảo lãnh trả nợ thay của ông Lê Thanh T là hoàn toàn tự nguyện, yêu cầu của ông Trương Ngọc H là có căn cứ nên ông Lê Thanh T phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Trương Ngọc H, Huỳnh Thị Phương D trong trường hợp bà Nguyễn Thị H1 chết không để lại di sản; trường hợp bà Nguyễn Thị H1 có để lại di sản thì anh Lê Tuấn H2, anh Lê Anh H3, cụ Nguyễn M, cụ Huỳnh Thị Q phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị H1 để lại. Khi đó, nguyên đơn được quyền yêu cầu ông Lê Thanh T, anh Lê Tuấn H2, anh Lê Anh H3, cụ Nguyễn M, cụ Huỳnh Thị Q phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị H1 để lại trong trường hợp ông Lê Thanh T không thực hiện phần nghĩa vụ trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị H1 (nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị H1 là 75.000.000 đồng). Trường hợp anh Lê Tuấn H2, anh Lê Anh H3, cụ Nguyễn M, cụ Huỳnh Thị Q nhận thừa kế của bà Nguyễn Thị H1 và thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị H1 trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị H1 để lại nhưng không đủ thì ông Lê Thanh T phải thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi bảo lãnh, phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn lại trong phần nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị H1.

[3] Về án phí:

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Thanh T tự nguyện bảo lãnh trả nợ, nhận trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nên ông Tuấn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 7.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 92, các Điều 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 293, 335, 336, 463 và Điều 615 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Ngọc H, bà Huỳnh Thị Phương D vì có căn cứ.

1. Buộc ông Lê Thanh T, bà Nguyễn Thị H1 (chết) phải trả cho ông Trương Ngọc H, bà Huỳnh Thị Phương D số tiền 140.000.000đ (*một trăm bốn mươi triệu đồng*), trong đó phần nghĩa vụ của ông Lê Thanh T là 65.000.000đ (*sáu mươi lăm triệu đồng*), bà Nguyễn Thị H1 là 75.000.000đ (*bảy mươi lăm triệu đồng*).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thanh T bảo lãnh nhận toàn bộ trách nhiệm trả nợ số tiền 75.000.000đ (*bảy mươi lăm triệu đồng*) thay cho bà Nguyễn Thị H1.

3. Trường hợp bà Nguyễn Thị H1 có để lại di sản, ông Lê Thanh T không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và ông Lê Thanh T, anh Lê Tuấn H2, anh Lê Anh H3, cụ Nguyễn M, cụ Huỳnh Thị Q có nhận thừa kế về tài sản của bà Nguyễn Thị H1 để lại nhưng không thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị H1 thì ông Trương Ngọc H, bà Huỳnh Thị Phương D có quyền yêu cầu ông Lê Thanh T thực hiện phần nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị H1 (trong phạm vi bảo lãnh) trả nợ với số tiền 75.000.000đ (*bảy mươi lăm triệu đồng*). Trường hợp ông Lê Thanh T, anh Lê Tuấn H2, anh Lê Anh H3, cụ Nguyễn M, cụ Huỳnh Thị Q nhận thừa kế của bà Nguyễn Thị H1 và thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị H1 trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị H1 để lại nhưng không đủ thì ông Lê Thanh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền còn lại trong phần nghĩa vụ trả nợ của bà Nguyễn Thị H1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành xong.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (*ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) cho ông Trương Ngọc H, bà Huỳnh Thị Phương D theo Biên lai tạm ứng án phí số 3865 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa.

- Ông Lê Thanh T phải chịu 7.000.000đ (*bảy triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã, Tỉnh;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Duyên

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA